TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 04/7/2019
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Đức Phát**
- Ông **Âu Văn Nghị**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019. Giữa:

*** Nguyên đơn**: Ông **Bùi P**. Sinh năm: 1976
Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa

*** Bị đơn**: Ông **Nguyễn B**. Sinh năm: 1969
Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bà **Nguyễn H**.
Sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019, bản tự khai và ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Bùi P tại phiên tòa hôm nay thì:*** Ngày 02/10/2016 ông Bùi P có cho ông Nguyễn B vay số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay hai bên có

viết giấy tay và có chữ ký ông B ký nhận số tiền và ông B là người trực tiếp nhận tiền không có mặt bà H(vợ ông B). Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 30.000 đồng/triệu /tháng và thời hạn trả là 22/3/2018.

Đến ngày 13/01/2017 ông B có trả cho ông tiền gốc 30.000.000 đồng và 2.550.000 đồng tiền lãi. Còn lại số tiền 30.000.000 đồng đến nay ông B cũng chưa trả cho ông mặc dù ông đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng ông B vẫn không thực hiện. Nay ông viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn B có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc còn lại là 30.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh là 7.200.000 đồng. Tổng cộng 37.200.000 đồng.

Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Nguyễn Thế B:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn B nhưng ông B không chấp hành, không đến tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn H thì: Bà không biết gì về việc vay tiền của ông B với ông Bùi P. Khi Tòa án thông báo thì bà mới biết ông B có vay ông P số tiền 60.000.000 đồng. Ông B vay tiền không cho bà biết và bà cũng không biết ông B vay để sử dụng vào mục đích gì nên qua yêu cầu khởi kiện của ông P, bà không liên quan đến khoản nợ này nên không có ý kiến gì.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi P buộc bị đơn ông Nguyễn B có trách nhiệm trả cho ông P số tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 7.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Bị đơn ông Nguyễn B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] ***Về quan hệ tranh chấp:***

Xuất phát từ việc ông Bùi P cho ông Nguyễn B vay số tiền 60.000.000 đồng, nhưng ông B chỉ trả 30.000.000 đồng, số còn lại ông B chưa trả cho ông P khi đã quá hạn vay do đó các bên phát sinh tranh chấp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" giữa nguyên đơn ông Bùi P; bị đơn ông Nguyễn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] ***Xét yêu cầu của nguyên đơn***: Theo giấy tờ vay giữa hai bên thì vào ngày 02/10/2016 ông Bùi P cho ông Nguyễn B vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30.000 đồng/triệu/tháng(tức 3%/tháng), ông P trực tiếp giao số tiền 60.000.000 đồng cho ông B và ông B tự viết, ký vào giấy vay không có mặt bà H (khi đó là vợ ông B nay đã ly hôn). Đồng thời trong giấy vay đề cập vào ngày 13/01/2017 ông B đã trả cho ông P số tiền 30.000.000 đồng và 2.550.000 đồng tiền lãi suất cũng không có mặt bà H, không chứng minh được bà H có biết việc vay giữa hai bên hay không và ông Bằng có sử dụng số tiền vay vào mục đích chung của gia đình hay không. Thêm vào đó, tại bản án hôn nhân và gia đình số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ về nợ chung giữa ông B và bà H không có nên không có cơ sở để xác định trách nhiệm của bà H đối với khoản nợ này.

Đến ngày 02/3/2018 ông B hẹn ông P đến ngày 22/3/2018 sẽ trả hết cho ông P số tiền còn lại là 30.000.000 đồng nếu không sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhưng ông B không thực hiện. Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của ông Bùi P yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn B có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu về số tiền 7.200.000 đồng lãi suất phát sinh của ông Bùi P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với số tiền vay 60.000.000 đồng là: 30.000 đồng/tháng (3%)quy ra lãi phát sinh hàng tháng sẽ là:

60.000.000 đồng x 3% = 1.800.000 đồng/tháng

Trong khi quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất trong trường hợp ông Phi và ông Bằng thỏa thuận hàng tháng không được quá mức sau:

60.000.000 đồng x 20% : 12 tháng = 1.000.000 đồng/tháng.

Vì vậy, số tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc 60.000.000 đồng mà ông Bằng phải trả cho ông Phi từ khi vay (ngày 02/10/2016) cho đến ngày ông Bằng trả 30.000.000 đồng (ngày 13/01/2017) là 3 tháng 11 ngày:

60.000.000 đồng x 20% : 12 tháng x 3 tháng 11 ngày = 3.367.000 đồng.

Mà ông Bằng mới trả được cho ông Phi 2.550.000 đồng. Do đó, ông B còn thiếu số tiền lãi là: 817.000 đồng (Tám trăm mười bảy ngàn đồng) nhưng ông Phi không yêu cầu đối với số tiền lãi này.

Lãi suất đối với số tiền gốc còn lại 30.000.000 đồng. Theo yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông P không yêu cầu lãi suất quá hạn mà chỉ yêu cầu lãi suất phát sinh từ ngày 14/01/2017 đến hết ngày 13/01/2019 là 02 năm với mức lãi

suất 1%/tháng tương ứng với 12%/năm(không quá 20%/năm). Do đó, lãi suất của ông P yêu cầu được tính là:

30.000.000 đồng x 12%/năm x 2 năm = 7.200.000 đồng.

Đây là mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, tổng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn B phải trả cho ông Bùi P là: 30.000.000 đồng + 7.200.000 đồng = 37.200.000 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

[4] ***Về án phí***: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi P. Buộc bị đơn ông Nguyễn B phải trả cho ông Bùi P số tiền là: 37.200.000 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn B phải nộp 1.860.000 (Một triệu tám trăm sáu mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Bùi P số tiền 930.000 đồng(Chín trăm ba mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003735 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

- Các đương sự;
- Lưu HS.

Đỗ Thị Thúy Phượng